



**PHỤ LỤC  
THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

Năm 2026, trường ĐHQT xét tuyển 24 ngành tuyển sinh với các tổ hợp xét tuyển cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển</b>	<b>Tổ hợp tính điểm xét tuyển</b>
<b>CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC DO TRƯỜNG ĐHQT CẤP BẰNG (dự kiến xét tuyển 1930 chỉ tiêu)</b>			
1	7220201	Ngôn ngữ Anh – dự kiến tuyển 110 chỉ tiêu	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh Toán, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
2	7340101	Quản trị kinh doanh - dự kiến tuyển 290 chỉ tiêu	Toán, Vật Lí, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Tiếng Anh
3	7340115	Marketing - dự kiến tuyển 140 chỉ tiêu	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh Toán, Địa lí, Tiếng Anh

<b>TT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển</b>	<b>Tổ hợp tính điểm xét tuyển</b>
4	7340122	Thương mại điện tử - dự kiến tuyển 50 chỉ tiêu	Toán, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh
5	7340201	Tài chính – Ngân hàng - dự kiến tuyển 170 chỉ tiêu	
6	7340301	Kế toán - dự kiến tuyển 60 chỉ tiêu	
7	7310101	Kinh tế (Phân tích dữ liệu trong kinh tế) - dự kiến tuyển 80 chỉ tiêu	
8	7480201	Công nghệ thông tin - dự kiến tuyển 50 chỉ tiêu	
9	7480101	Khoa học máy tính - dự kiến tuyển 50 chỉ tiêu	Toán, Vật lí, Hoá học Toán, Vật lí, Tiếng Anh Toán, Tin học, Tiếng Anh Toán, Tin học, Vật lí Toán, Tin học, Hoá học
10	7460108	Khoa học dữ liệu - dự kiến tuyển 50 chỉ tiêu	
11	7460112	Toán ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi	

<b>TT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển</b>	<b>Tổ hợp tính điểm xét tuyển</b>
		ro) - dự kiến tuyển 50 chỉ tiêu	
12	7460201	Thống kê (Thống kê ứng dụng) - dự kiến tuyển 30 chỉ tiêu	
13	7420201	Công nghệ sinh học - dự kiến tuyển 100 chỉ tiêu	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học
14	7540101	Công nghệ thực phẩm - dự kiến tuyển 40 chỉ tiêu	Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học
15	7440112	Hóa học (Hóa sinh) - dự kiến tuyển 40 chỉ tiêu	Ngữ Văn, Hóa học, Tiếng Anh
16	7520301	Kỹ thuật hóa học - dự kiến tuyển 60 chỉ tiêu	Ngữ Văn, Sinh học, Tiếng Anh
17	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - dự kiến tuyển 150 chỉ tiêu	Toán, Vật Lí, Hóa Học Toán, Vật Lí, Tiếng Anh

<b>TT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển</b>	<b>Tổ hợp tính điểm xét tuyển</b>
18	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp - dự kiến tuyển 40 chỉ tiêu	Toán, Hóa Học, Sinh Học Toán, Hóa Học, Tiếng Anh Toán, Sinh Học, Tiếng Anh
19	7520207	Kỹ thuật điện tử – viễn thông - dự kiến tuyển 80 chỉ tiêu	Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh
20	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - dự kiến tuyển 90 chỉ tiêu	
21	7520212	Kỹ thuật y sinh - dự kiến tuyển 80 chỉ tiêu	
22	7520121	Kỹ thuật không gian (Phân tích và ứng dụng dữ liệu lớn) - dự kiến tuyển 50 chỉ tiêu	
23	7580201	Kỹ thuật xây dựng - dự kiến tuyển 40 chỉ tiêu	
24	7580302	Quản lý xây dựng - dự kiến tuyển 30 chỉ tiêu	

<b>TT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển</b>	<b>Tổ hợp tính điểm xét tuyển</b>
<b>CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO LIÊN KẾT VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NƯỚC NGOÀI (dự kiến tuyển 370 chỉ tiêu)</b>			
1	7220201_WE2	Ngôn ngữ Anh (CTLK với ĐH West of England) (2+2)	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh Toán, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
2	7220201_WE3	Ngôn ngữ Anh (CTLK với ĐH West of England) (3+1)	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
3	7220201_WE4	Ngôn ngữ Anh (CTLK với ĐH West of England) (4+0)	
4	7340101_AND	Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Andrews) (4+0)	Toán, Vật Lí, Tiếng Anh Toán, Hóa học, Tiếng Anh Toán, Lịch sử, Tiếng Anh
5	7340101_AU	Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Công nghệ Auckland) (1+2/1.5+1.5)	Toán, Địa lí, Tiếng Anh

<b>TT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển</b>	<b>Tổ hợp tính điểm xét tuyển</b>
6	7340101_LU	Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Lakehead) (2+2)	Toán, Tiếng Anh, Giáo dục kinh tế và pháp luật  Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh
7	7340101_NS	Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH New South Wales) (2+2)	
8	7340101_SY	Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Sydney) (2+2)	
9	7340101_WE	Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH West of England) (2+2)	
10	7340101_WE4	Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH West of England) (4+0)	
11	7340101_MQ	Quản trị kinh doanh (CTLK với ĐH Macquarie) (2+1)	

<b>TT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển</b>	<b>Tổ hợp tính điểm xét tuyển</b>
12	7340201_MQ	Tài chính (CTLK với ĐH Macquarie) (2+1)	
13	7340301_MQ	Kế toán (CTLK với ĐH Macquarie) (2+1)	
14	7480201_WE4	Công nghệ thông tin (CTLK với ĐH West of England) (4+0)	Toán, Vật lí, Hoá học Toán, Vật lí, Tiếng Anh Toán, Tin học, Tiếng Anh
15	7480201_MQ	Công nghệ thông tin (CTLK với ĐH Macquarie) (2+1)	Toán, Tin học, Vật lí Toán, Tin học, Hoá học
16	7480101_WE2	Khoa học máy tính (CTLK với ĐH West of England) (2+2)	
17	7480201_DK	Công nghệ thông tin (CTLK với ĐH Deakin) (2+2)	
18	7480201_DK	Công nghệ thông tin (CTLK với ĐH Deakin) (3+1)	

<b>TT</b>	<b>Mã xét tuyển</b>	<b>Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển</b>	<b>Tổ hợp tính điểm xét tuyển</b>
19	7420201_WE2	Công nghệ sinh học (CTLK với ĐH West of England) (2+2)	Toán, Vật lí, Hóa học Toán, Hóa học, Sinh học Toán, Hóa học, Tiếng Anh
20	7420201_WE4	Công nghệ sinh học định hướng Y Sinh (CTLK với ĐH West of England) (4+0)	Toán, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học Ngữ Văn, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ Văn, Sinh học, Tiếng Anh
21	7520207_WE	Kỹ thuật điện tử – viễn thông (CTLK với ĐH West of England) (2+2)	Toán, Vật Lí, Hóa Học Toán, Vật Lí, Tiếng Anh Toán, Hóa Học, Sinh Học
22	7580201_DK	Kỹ thuật xây dựng (CTLK với ĐH Deakin) (2+2)	Toán, Hóa Học, Tiếng Anh Toán, Sinh Học, Tiếng Anh Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh